

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH VIỆT NAM ĐẠI DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH VIỆT NAM ĐẠI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM OCEAN TOURISM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM OCEAN TOURISM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109898631

**3. Ngày thành lập:** 26/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 75C ngõ 1/62/23 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904534866

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: kinh doanh đồ lưu niệm                                                                                                                  | 4669     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                              | 8230     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                    | 8299     |
| 4.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                         | 7120     |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                              | 7310     |
| 6.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                               | 7320     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                            | 7410     |
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm)                                                                                                                     | 7710     |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                      | 4690     |
| 10. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len<br>- Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục). | 1391     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | <p>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể:</li> <li>+ Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng,</li> <li>+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,</li> <li>+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...</li> <li>+ Cầu thang, hàng rào chắn,</li> <li>+ Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc,</li> <li>+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.</li> <li>- Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ;</li> <li>- Sản xuất nhà gỗ di động;</li> <li>- Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân).</li> </ul> | 1622        |
| 12. | <p>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hành khách bằng taxi</li> <li>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</li> <li>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4931        |
| 13. | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh</li> <li>- Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu</li> <li>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4932        |
| 14. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển</li> <li>- Logistics</li> <li>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5229        |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 19. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7990(Chính) |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 10/12/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036183002581  
 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội  
 Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Tổ 5 Cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội